TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST Ngày 16 tháng 3 năm 2020 (V/v tranh chấp ly hôn)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nhữ Thị Nga**

2. Bà **Đào Thị Hà**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Anh Thị Thanh Tâm** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/ QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Cháng Mí H** - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

Bị đơn: Chị **Ly Thị S** - Sinh năm: 1992; Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn N, xã N1, huyện Q, tỉnh Hà Giang; đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST-DS ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2019 cùng các tài liệu kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Cháng Mí H trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là chị Ly Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã N1, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau đó, hai vợ chồng sống chung tại Thôn N, xã N1, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì. Tuy nhiên trong quá trình chung sống xảy ra việc không mong muốn, cả hai con chung của vợ chồng (cháu đầu sinh năm 2013, cháu thứ hai sinh năm 2016) đều bị lên cơn sốt và chết tại bệnh viện. Chị S vì quá đau buồn nên tháng 10/2016 đã bỏ sang Trung Quốc, anh đã cùng người thân sang động viên chị S quay về nhưng chị S quay về được hai ngày thì lại tiếp tục bỏ đi. Từ đó tới nay, anh và người thân trong gia đình mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không xác định được chị S hiện đang ở đâu, làm gì. Anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên

bố chị S mất tích. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu, Tòa án nhân dân huyện Q đã chấp nhận đơn yêu cầu của anh, tuyên bố chị Ly Thị S mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST-DS ngày 01/10/2019. Nay anh xin được ly hôn chị S.

Về con chung: Nay cả hai con chung của anh chị đều đã chết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được khối có tài sản chung nào; vợ chồng chị cũng không nợ ai hoặc cho ai nợ tài sản gì. Do vậy, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng: Anh H xác nhận cả anh và Chị S đều không có tài sản gì riêng và không có tranh chấp gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật. *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án, tiến hành khai mạc phiên tòa, giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử, quyền và nghĩa vụ của đương sự, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã có mặt đầy đủ, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho anh Cháng Mí H ly hôn với chị Ly Thị S. Về con chung: Không đề cập giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Cháng Mí H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Cháng Mí H về việc xin ly hôn với chị Ly Thị S được Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Bị đơn Ly Thị S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Vụ án thuộc trường hợp không

tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn. Tuy đã được triệu tập hợp lệ nhưng cả hai phiên tòa, chị S đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cháng Mí H và chị Ly Thị S xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã N1, huyện Q, tỉnh Hà Giang, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc tại Thôn N, xã N1, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên, từ tháng 10/2016, chị S đã bỏ nhà ra đi, anh H và người thân trong gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không xác định được chị S hiện đang ở đâu, làm gì. Chị S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST-DS ngày 01/10/2019. Nay anh H xin ly hôn chị S, nên cần xử cho anh H được ly hôn chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị S có hai con chung (cháu đầu là con trai, sinh năm 2013, cháu thứ hai là con gái, sinh năm 2016) nhưng do vợ anh tự sinh con tại nhà, sau đó không thực hiện đăng ký khai sinh cho con nên sau khi các cháu bị ốm rồi chết (cùng trong năm 2016), UBND xã N1 không có căn cứ để xác định họ tên, ngày tháng năm sinh và cấp giấy khai tử cho các cháu. Nay cả hai con chung của anh chị đều đã chết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được khối có tài sản chung nào; vợ chồng chị cũng không nợ ai hoặc cho ai nợ tài sản gì, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Anh H xác nhận cả anh và chị S đều không có tài sản gì riêng và không có tranh chấp gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh H thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh H.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Cháng Mí H và chị Ly Thị S.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Cháng Mí H.

3. Quyền kháng cáo: Anh Cháng Mí H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Ly Thị S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Q;*
- *TAND tỉnh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã N1, huyện Q, tỉnh Hà Giang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Đàm